

PHẦN I. ĐỌC HIẾU (6.0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu

THU VỊNH

(Vịnh mùa thu)

Trời thu xanh ngắt mây tùng cao
Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.
Nước biếc trong như tùng khói phủ,
Song thưa để mặc bóng trăng vào.
Mây chùm trước giậu, hoa nấm ngoái
Một tiếng trên không ngõng nước nào?
Nhân hứng cũng vừa toan cát bút
Nghĩ ra lại hẹn với ông Đào(1).

(Thi hào Nguyễn Khuyến – Đời và Thơ – Nguyễn Huệ Chi –
Viện Văn học – NXB Giáo dục – 1994)

Câu 1. Bài thơ trên được làm theo thể thơ nào?

Câu 2. Xác định 02 phương thức biểu đạt được sử dụng trong bài thơ?

Câu 3. Tìm trong bài thơ những hình ảnh miêu tả thiên nhiên?

Câu 4. Chỉ ra và nêu tác dụng của nghệ thuật đối được sử dụng trong hai câu thơ sau:

Nước biếc trong như tầng khói phủ
Song thưa để mặc bóng trăng vào.

Câu 5. Bức tranh mùa thu trong “Thu vịnh” hiện lên như thế nào qua cảm nhận của nhà thơ Nguyễn Khuyến?

Câu 6. Nhận xét về những nét đặc sắc của việc sử dụng từ ngữ trong bài thơ “Thu vịnh”?

Câu 7. Qua bài thơ “Thu vịnh”, em hiểu gì về tình cảm, nỗi lòng của nhà thơ với thiên nhiên, đất nước?

Câu 8. Từ nội dung của bài thơ, anh/chị hãy nêu rõ vai trò của quê hương đối với mỗi người?

(Trả lời bằng một đoạn văn 8 – 10 dòng)

PHẦN II. VIẾT (4.0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: “Một lời xin lỗi vụng về vẫn tốt hơn là im lặng”, em hãy viết bài nghị luận (khoảng 400 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến trên.

----- Hết -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.

Chú thích: (1)Ông Đào: tức Đào Uyên Minh còn gọi là Đào Tiềm (365 - 427), tự Nguyên Lượng, người đất Tầm Dương, Cửu Giang, tỉnh Giang Tây(Trung Quốc), một người nổi tiếng về thi tài và khí tiết. Đang làm quan, vì không chịu quy lụy quan trên, ông đã bỏ quan về ẩn, vui thú với điện viền.

BẢN MA TRẬN ĐẶC TĂ

Chủ đề/ Nội dung	Mức độ			Tổng số
	Biết	Hiểu	Vận dụng/ vận dụng cao	
Đọc hiểu	<p>Văn bản thơ Nôm Đường luật: <i>Thu vịnh – Nguyễn Khuyến</i> (tương đương thể thơ, đề tài với các văn bản <i>Thu điếu</i> trong SGK)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định vần của bài thơ/ đoạn thơ - Xác định thể thơ - Chỉ ra những hình ảnh thơ - Nhận biết được các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ 	<ul style="list-style-type: none"> - Giải nghĩa từ ngữ trong bài thơ. - Nêu chủ đề/ đề tài của bài thơ - Nhận xét về việc sử dụng từ ngữ, tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ - Nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ. - Nhận xét về nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc - Nêu được quan điểm của cá nhân về 1 vấn đề được đặt ra trong bài thơ.
	Số câu Số điểm Tỉ lệ	3 37,5%	3 37,5 %	2 25%
Viết	<p>Viết bài văn nghị luận xã hội</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểu bài NLXH: NL về 1 tư tưởng, đạo lý 	<ul style="list-style-type: none"> - Ý nghĩa của vấn đề được đặt ra ở đề bài 	Vận dụng ra thực tế và bản thân
	Số câu Số điểm Tỉ lệ			1 4,0 40%
Tổng số		3 2,0 20%	3 2,0 20%	9 10 100%

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
Môn : Ngữ văn 10(Năm học 2023 – 2024)

A. YÊU CẦU CHUNG

- Giám khảo nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của học sinh, tránh đếm ý cho điểm. Vận dụng linh hoạt hướng dẫn chấm, khuyến khích những bài viết có cảm xúc, sáng tạo.
- Học sinh có thể làm bài theo nhiều cách nhưng nếu đáp ứng những yêu cầu cơ bản của đề, diễn đạt tốt vẫn cho điểm tối đa.
- Điểm bài thi làm tròn đến 0,5 điểm.

B. YÊU CẦU CỤ THỂ

Phần I	Câu	Nội dung	Điểm
		ĐỌC HIỂU	
	1	- Thể thơ: Thát ngôn bát cú/ Thơ Nôm thát ngôn bát cú Đường luật	0,5
	2	- 02 phương thức biểu đạt: Biểu cảm, miêu tả	0,5
	3	- Những hình ảnh miêu tả thiên nhiên về mùa thu: Trời thu xanh ngắt, cành trúc lơ phơ, gió hắt hiu, nước biếc, bóng trăng, hoa, tiếng ngỗng trên không <i>(HS liệt kê được 4 - 5 hình ảnh trở lên cho điểm tối đa, 3 hình ảnh trở xuống: 0,25đ)</i>	0,5
	4	- Chỉ ra : Nghệ thuật đối (0,25) + Đối: nước biếc >< song thưa; tầng khói phủ >< bóng trăng vào - Tác dụng: + Tăng sức gợi hình, gợi cảm, tạo sự cân đối, nhịp nhàng cho câu thơ(0,25) + Tạo nên một bức tranh thiên nhiên đẹp huyền ảo, lung linh, thơ mộng, trữ tình(0,25).	0,75
	5	Bức tranh mùa thu trong “Thu vịnh” hiện lên qua cảm nhận của nhà thơ Nguyễn Khuyến: - Mùa thu đẹp, thanh sơ, yên bình mang nét riêng của làng quê vùng đồng bằng Bắc Bộ(0,5đ) - Mùa thu đẹp nhưng tĩnh lặng, gợi buồn, chất chứa tâm trạng, nỗi buồn về thời thế của một nhà Nho yêu nước, thương dân sâu sắc(0,5đ) <i>(Tùy vào cách trả lời của HS , GV có thể linh hoạt cho điểm từ 0,5 – 1,0đ)</i>	1,0
	6	Nhận xét về những nét đặc sắc của việc sử dụng từ ngữ trong bài thơ Thu vịnh: - Từ ngữ trong sáng, giản dị, tự nhiên và gắn gũi với cuộc sống đời thường (0,5đ) - Sử dụng nhiều tính từ, nhiều từ láy làm cho bức tranh mùa thu có nhiều màu sắc, gợi cảm xúc(0,25đ)	0,75
	7	Tình cảm, nỗi lòng của Nguyễn Khuyến qua bài thơ: - Tình yêu thiên nhiên và sự gắn bó với quê hương, làng cảnh (0,5) + Nỗi buồn về thời thế, tình yêu nước, thương dân(0,5) <i>(Tùy vào cách diễn đạt của HS để cho điểm từ 0,25 – 1,0đ))</i>	1,0

	8	<p>Học sinh có thể trình bày theo hướng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quê hương là nơi chôn nhau cắt rốn của mỗi người. - Quê hương là cội nguồn sinh trưởng và điểm tựa cho sự trưởng thành của mỗi người. là nơi mỗi người thường hướng về sau mỗi thất bại hay thành công trong cuộc đời.... - Yêu mến, trân trọng, gắn bó với quê hương là một đạo lý tốt đẹp, cũng là thước đo nhân cách của mỗi người. - Cần có trách nhiệm với quê hương.... <p>Hướng dẫn chấm: Giáo viên cần linh hoạt khi chấm</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Học sinh trả lời giống hoặc có ý tương tự như đáp án: 1,0 điểm.</i> - <i>Học sinh trả lời 2/3 ý: 0,75 điểm.</i> - <i>Học sinh trả lời 01 ý: 0,25 điểm.</i> - <i>Không đảm bảo yêu cầu của đoạn văn không cho điểm tối đa)</i> 	1,0
II		VIẾT	4,0
	Yêu cầu về kỹ năng và nội dung	<p>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận xã hội</p> <p>Xác định đúng vấn đề nghị luận: <i>Giá trị, ý nghĩa của lời xin lỗi trong cuộc sống.</i></p> <p>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục.</p> <p>Sau đây là một hướng gợi ý:</p> <p>1. Mở bài</p> <p>Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Giá trị của lời xin lỗi(HS dẫn dắt và nêu được vấn đề nghị luận, trích dẫn được ý kiến được nêu ra ở đề bài)</p> <p>2. Thân bài</p> <p>a. Giải thích</p> <ul style="list-style-type: none"> - "Xin lỗi": là hành động tự nhận khuyết điểm, sai lầm về mình, là sự đồng cảm, sẻ chia đối với người bị ta làm tổn thương, thiệt hại. Biết xin lỗi là mong muốn được đền bù thiệt hại và tha thứ. - Xin lỗi không chỉ là cách thể hiện thái độ biết lỗi, tự nhận thấy sai lầm mà còn là phép lịch sự trong giao tiếp, ứng xử giữa người với người. - Ý nghĩa của ý kiến: Khi ta gây ra một lỗi lầm, mặc dù sai lầm gì đó, 1 lời xin lỗi chân thành cho dù còn lúng túng, vụng về nhưng vẫn tốt hơn là im lặng hoặc ngụy biện. Ý kiến trên giúp chúng ta thấy được giá trị, ý nghĩa của lời xin lỗi. <p>b. Bàn luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Biểu hiện của người biết nói lời xin lỗi: - Luôn chủ động mở lời xin lỗi, tự nhận khuyết điểm về mình khi gây ra một lỗi lầm, hoặc một hành động sai trái gây ra hậu quả nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến người khác <ul style="list-style-type: none"> - Tích cực tìm cách khắc phục hậu quả đã gây ra - Biết nhận thấy sai lầm của mình và mong muốn được khắc phục - Người biết nói lời xin lỗi luôn sống hiền hòa, chuẩn mực, quan tâm, kính nhường và tôn trọng người khác. * Vai trò, ý nghĩa của lời xin lỗi: 	0,25 0,5 2,5

	<ul style="list-style-type: none"> - Xin lỗi là một trong các biểu hiện của ứng xử có văn hóa của con người, là hành vi văn minh, lịch sự trong quan hệ xã hội - Lời xin lỗi chân thành phản ánh phẩm chất văn hóa của cá nhân, giúp mọi người dễ cư xử với nhau hơn. - Xin lỗi là một phép lịch sự trong giao tiếp, thể hiện sự văn minh và thái độ tôn trọng con người - Lời xin lỗi chân thành có thể cứu vãn được sự việc đáng tiếc có thể đã xảy ra - Xin lỗi đúng cách, đúng lúc giúp ta tránh được những tổn thất về vật chất và tinh thần - Lời xin lỗi còn để thể hiện sự chia sẻ, đồng cảm với mọi người - Lời xin lỗi chân thành hàn gắn những chia rẽ và hận thù do những lỗi lầm ấy gây nên. - Xin lỗi còn để dạy cho con cái biết học cách lớn lên là người có ý thức trách nhiệm. <p>Biết nói lời xin lỗi giúp cho cuộc sống của chúng ta được an lành, hạnh phúc hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> * Phản đè; Lên án, phê phán bộ phận chưa nhận thức vai trò của xin lỗi, khi mắc lỗi không nhận lỗi, không thay đổi bản thân... * Mở rộng vấn đề: - Tuy nhiên trong cuộc sống lời xin lỗi cần có sự chân thành, phù hợp, không lạm dụng lời xin lỗi để rồi lời xin lỗi quá dễ dãi, ko chân thành. <p>c. Bài học nhận thức và hành động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết sống chân thành, tôn trọng, quý trọng người khác, thành thật nhận khuyết điểm về mình, không được né tránh trách nhiệm hay ngụy biện về hành động của mình - Lời xin lỗi phải xuất phát từ đáy lòng mới thật sự hữu dụng - Hiểu rõ đối tượng là ai để bày tỏ thái độ xin lỗi một cách đúng đắn và hiệu quả nhất. - Xin lỗi đúng lúc, đúng nơi sẽ làm cho người được xin lỗi thấy dễ tha thứ hơn, đặc biệt cần biết sửa sai sau khi xin lỗi. <p>3. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định vai trò, ý nghĩa của lời xin lỗi trong các mối quan hệ cuộc sống - Nêu quan điểm của mình về vấn đề này. <p>Hướng dẫn chấm: Giáo viên cần linh hoạt khi chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,25 điểm - 2,5 điểm. - Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 1,0 điểm - 2,0 điểm. - Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm - 0,75 điểm 	
	Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
	TỔNG ĐIỂM	10

